

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/HNGD-ST
Ngày 23 tháng 9 năm 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Vừ A Sinh**

2. Bà: **Mai Thị Trường**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tùng Lâm – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2024/TLST-HN&GD ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lò Thị S**; tên khác: Không; sinh năm: 1999.

Nơi ĐKNKTT: Bản Bua 2, xã ẤT, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản LC, xã NL, huyện MA, tỉnh Điện Biên. (*Vắng mặt có lý do*).

2. *Bị đơn:* Anh **Lò Văn N**; tên khác: Không. sinh năm: 1994.

Nơi cư trú: Bản Bua 2, xã ẤT, huyện MA, tỉnh Điện Biên. (*Vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 02/5/2024; tại bản khai của chị Lò Thị S ngày 04/6/2024 nguyên đơn chị Lò Thị S trình bày:

* **Về hôn nhân:** Tôi (Lò Thị S) và anh Lò Văn N làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Ảng Tở, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên ngày 06/8/2018. Trước khi lấy nhau hai bên tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Sau khi cưới, tôi và anh Lò Văn N sống đầm ấm, hạnh phúc được một thời gian. Năm 2019 tôi phát hiện anh Lò Văn N nghiện chất ma túy thường xuyên chơi bời, không chịu tu trí làm ăn. Tôi và gia đình đã động viên anh Lò Văn N cai nghiện chất ma túy, trí thú làm ăn nhưng anh Lò Văn N không cai

nghiện được chất ma túy mà ngày càng nghiện nặng, nên vợ chồng tôi thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 12/2019 tôi đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở bản LC, xã NL, huyện MA tôi và anh Lò Văn N sống ly thân với nhau. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lò Văn N.

* **Về con chung:** Trong quá trình chung sống tôi và anh Lò Văn N có 01 người con chung: Lò Duy T, sinh ngày 09/9/2018 hiện cháu đang sống cùng mẹ và ông bà ngoại tại bản Lịch Cang, xã Nậm Lịch. Nguyên vọng của tôi là sau khi ly hôn tôi nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Duy T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về tài sản chung:** Tôi và anh Lò Văn N không có.

* **Về tài sản riêng:** Tôi và anh Lò Văn N không có.

* **Về nợ chung phải trả:** Tôi và anh Lò Văn N không có.

Ngày 12/9/2024 chị Lò Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nội dung đơn chị Lò Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lò Văn N; chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về chị yêu cầu giải quyết như nội dung đơn khởi kiện.

* **Bị đơn:** Anh Lò Văn N mặc dù được Tòa án triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng anh Lò Văn N vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì.

* **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:** Yêu cầu của chị Lò Thị S là có căn cứ và hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị S cụ thể như sau:

Thứ nhất về hôn nhân: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn N lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ảng Tở, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên ngày 06/8/2018. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh Lò Văn N nghiện chất ma túy, không quan tâm đến gia đình vợ con. Từ tháng 12/2019 chị Lò Thị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở bản LC, xã NL, huyện MA, tỉnh Điện Biên đến nay, chị Lò Thị S và anh Lò Văn N sống ly thân với nhau. Mặc dù hai xã gần nhau nhưng anh chị không liên lạc, quan tâm nhau. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Lò Thị S và anh Lò Văn N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị S và tuyên bố chị Lò Thị S được ly hôn anh Lò Văn N.

Thứ hai về con chung: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn N có 01 người con chung là cháu Lò Duy T, sinh ngày 09/9/2018. Chị Lò Thị S có nguyện vọng sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Lò Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng

nuôi con chung. Đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị Lò Thị S về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Thứ ba: Trong quá trình chung sống chị Lò Thị S và anh Tới không có tài sản chung; nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: không có.

Về án phí: Chị Lò Thị S là người dân tộc thiểu số và có đơn xin miễn án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án miễn Lò Duy T bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị Lò Thị S.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:**

Toà án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị Lò Thị S và anh Lò Văn N tại bản Bua 2, xã ẤT, huyện MA, tỉnh Điện Biên; Xác minh nơi cư trú của anh Lò Văn N; Xác minh điều kiện kinh tế của chị Lò Thị S tại bản LC, xã NL, huyện MA.

*** Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về hôn nhân:** Tuyên bố chị Lò Thị S được ly hôn anh Lò Văn N.

- **Con chung:** Giao cháu Lò Duy T, sinh ngày 09/9/2018 cho chị Lò Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Lò Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về:** Đương sự không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Án phí:** Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, Lò Duy T diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện VKSND huyện Mường Ảng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 01/7/2024, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án tiến hành tổng đạt cho bị đơn là anh Lò Văn N, nhưng không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp cho anh Lò Văn N, Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn 15 ngày Bị đơn không có ý kiến gì.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ; ngày 12/7/2024 chị Lò Thị S có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt và niêm yết Quyết định theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 06/9/2024, Nguyên đơn là chị Lò Thị S có mặt, bị đơn là anh Lò Văn N vắng mặt không có lý do lần thứ Lò Văn N, căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vào ngày 23/9/2024.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn là chị Lò Thị S có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn là anh Lò Văn N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Lò Văn N.

[2] Nội dung vụ án:

* Về hôn nhân: Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 25/6/2024; tại bản khai của chị Lò Thị S và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn N lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ảng Tở, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên ngày 06/8/2018. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó chị anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh Lò Văn N nghiện chất ma túy, không quan tâm đến gia đình vợ con. Từ tháng 12/2019 chị Lò Thị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở bản LC, xã NL, huyện MA, tỉnh Điện Biên đến nay, chị Lò Thị S và anh Lò Văn N sống ly thân với nhau. Mặc dù hai xã gần nhau nhưng anh chị không liên lạc, quan tâm nhau. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Lò Thị S và anh Lò Văn N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật

Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị S. Tuyên xử cho chị Lò Thị S được ly hôn với anh Lò Văn N.

* *Về con chung*: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn N có 01 người con chung là cháu Lò Duy T, sinh ngày 09/9/2018. Chị Lò Thị S có nguyện vọng sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Lò Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Lò Duy T đang con nhỏ, sống ổn định cùng với chị Lò Thị S, ông bà ngoại và được chăm sóc, học tập tốt nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của cháu nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị Lò Thị S về việc giao nuôi con chung.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị Lò Thị S về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

* *Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về*: Chị Lò Thị S Không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị S: Chị Lò Thị S được ly hôn anh Lò Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Duy T, sinh ngày 09/9/2018 cho chị Lò Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị Lò Thị S chưa có yêu cầu anh Lò Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lò Văn N có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên

hiệp phụ nữ thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Đương sự chưa có yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị S.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã Ảng Tở, h. Mường Ảng;
- Các đương sự; người bảo vệ quyền và lợi ích cho đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Vân